

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08 /2019/DS-ST

Ngày: 26 -06-2019

V/v “*tranh chấp vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Hạnh.

2. Ông Bùi Huy Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bảo Anh

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức: Bà Ngô Thị Hồng Phương.

Ngày 26 tháng 06 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2018/TLST-KDTM ngày 22 tháng 10 năm 2018 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng chính sách xã hội.

Địa chỉ: Tòa nhà CC5, khu bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng, chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lương Văn Long – giám đốc phòng giao dịch ngân hàng Chính sách xã hội huyện Châu Đức. (Có mặt)

Bị đơn: Ông Trần Xuân B, sinh năm 1963. (Vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị B L, sinh năm 1969. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 11, thôn Gio An, xã Suối Nghệ, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện cho nguyên đơn là ông Lương Văn Long trình bày:

Ngân hàng chính sách xã hội có kí kết hợp đồng tín dụng với bên vay là ông Trần Xuân B và bà Nguyễn Thị B L theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và giấy nhận nợ ngày 16-10-2007, số tiền vay là 8.000.000đ, mục đích vay là vay cho con đi học. Cụ thể ngày 05-11-2007 ông B và bà L nhận nợ lần thứ 1 với số tiền là 4.000.000đ; ngày 06-3-2008 ông B và bà L nhận nợ lần thứ 2 với số tiền là 4.000.000đ; lãi suất là 0,5%/tháng, lãi quá hạn là 0,65%/tháng; hạn trả nợ cuối cùng là ngày 05-9-2012. Từ lúc vay đến nay ông B và bà L mới trả cho Ngân hàng số nợ lãi là 758.267đ.

Đến nay khoản nợ trên đã quá thời hạn trả nợ mặc dù Ngân hàng đã tiến hành đôn đốc nhiều lần nhưng ông B và bà L vẫn không trả nợ cho Ngân hàng. Nay ngân hàng Chính sách Xã hội yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Trần Xuân B và bà Nguyễn Thị B L phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số nợ còn thiếu như sau:

- Số nợ gốc: 8.000.000đ (tám triệu đồng).

- Lãi trong hạn từ ngày 05-11-2007 đến ngày 05-3-2013 là 2.466.345đ (hai triệu bốn trăm sáu mươi sáu ngàn ba trăm bốn mươi lăm đồng).

- Lãi quá hạn từ ngày 06-3-2013 đến ngày 26-6-2019 là 3.235.333đ (ba triệu hai trăm ba mươi lăm ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

Tổng số nợ gốc và lãi suất vợ chồng ông Trần Xuân B và bà Nguyễn Thị B L phải trả cho ngân hàng chính sách xã hội đến ngày 26-6-2019 là 13.701.678đ (mười ba triệu bảy trăm lẻ một ngàn sáu trăm bảy mươi tám đồng).

Đồng thời Ngân hàng yêu cầu ông Trần Xuân B và bà Nguyễn Thị B L tiếp tục trả khoản lãi suất từ ngày 27-6-2019 trở đi trên số nợ gốc theo hợp đồng các bên đã kí kết cho đến khi ông Trần Xuân B và bà Nguyễn Thị B L trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng.

Bên phía ông Trần Xuân B và bà Nguyễn Thị B L yêu cầu được trả dần số nợ trong thời hạn là 1 năm kể từ tháng 02 năm 2019 đến tháng 02 năm 2020, tuy nhiên kể từ tháng 02 năm 2019 đến nay vợ chồng ông B và bà L chưa trả cho Ngân hàng đồng nào nên nay Ngân hàng không đồng ý với thời hạn trả nợ trên của vợ chồng ông B, bà L.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn là ông Trần Xuân B và bà Nguyễn Thị B L trình bày : Ngày 16-10-2007 ông Trần Xuân B và bà Nguyễn Thị B L có kí kết hợp đồng tín dụng với ngân hàng Chính sách Xã hội theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và giấy nhận nợ, số tiền vay là 8.000.000đ, mục đích vay là vay cho con đi học, lãi suất là 0,5%/tháng, lãi quá hạn là 0,65%/tháng; hạn trả nợ cuối cùng là ngày 05-9-2012. Ông B và bà L đã nhận đủ số tiền vay là 8.000.000đ.

Nay do gia đình còn khó khăn, con cái còn đi học nên ông Trần Xuân B và bà Nguyễn Thị B L chưa trả được khoản vay 8.000.000đ tiền gốc cộng với tiền lãi suất cho ngân hàng Chính sách Xã hội, ông B và bà L yêu cầu được trả dần số nợ trên trong thời hạn là 1 năm kể từ tháng 02 năm 2019 đến tháng 02 năm 2020. Ông B và bà L đồng ý trả các khoản lãi suất còn thiếu cho Ngân hàng cho đến khi trả hết số nợ gốc.

Tại phiên tòa hôm nay kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải; Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt theo qui định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

Nội dung: Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Chính sách Xã hội buộc vợ chồng ông Trần Xuân B và bà Nguyễn Thị B L phải trả cho ngân hàng số nợ gốc và lãi suất tính đến ngày 26-6-2019 là 13.701.678đ (mười ba triệu bảy trăm lẻ một ngàn sáu trăm bảy mươi tám đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ theo đơn khởi kiện của Ngân hàng Chính sách Xã hội và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hợp đồng giữa hai bên được giao kết và thực hiện tại huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Châu Đức và là nơi cư trú của bị đơn. Do đó, theo quy định tại các điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

[2] Về tạm ứng án phí: Ngân hàng Chính sách xã hội khởi kiện thuộc trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3] Về thủ tục tố tụng: Xét đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 18-02-2019 của bị đơn ông Trần Xuân B và bà Nguyễn Thị B L đề nghị Tòa án xét xử vụ án không có sự tham gia của ông B và bà L. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông B và bà L theo quy định tại khoản 1 Điều 227, và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung: Ngày 16-10-2007 ông Trần Xuân B và bà Nguyễn Thị B L có vay của ngân hàng Chính sách Xã hội số tiền là 8.000.000đ theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và giấy nhận nợ, mục đích vay là vay cho con đi học, lãi suất

là 0,5%/tháng, lãi quá hạn là 0,65%/tháng; hạn trả nợ cuối cùng là ngày 05-9-2012. Cụ thể ngày 05-11-2007 ông B và bà L nhận nợ lần thứ 1 với số tiền là 4.000.000đ; ngày 06-3-2008 nhận nợ lần thứ 2 với số tiền là 4.000.000đ. Ông B và bà L đã nhận đủ số tiền vay là 8.000.000đ. Đến nay khoản nợ trên đã quá thời hạn trả nợ mặc dù Ngân hàng đã tiến hành đôn đốc nhiều lần nhưng ông B và bà L vẫn không trả nợ cho Ngân hàng.

Xét yêu cầu của Ngân hàng Chính sách Xã hội yêu cầu vợ chồng ông Trần Xuân B và bà Nguyễn Thị B L phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số nợ còn thiếu cả gốc và lãi suất tính đến ngày 26-6-2019 là 13.701.678đ (mười ba triệu bảy trăm lẻ một ngàn sáu trăm bảy mươi tám đồng). Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong biên bản lấy lời khai vợ chồng ông Trần Xuân B và bà Nguyễn Thị B L đều thừa nhận có vay số tiền 8.000.000đ của Ngân hàng chính sách xã hội với nội dung thỏa thuận như nguyên đơn trình bày là đúng và đến nay vẫn chưa trả được nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng. Như vậy việc vợ chồng ông B, bà L vay Ngân hàng với số nợ gốc là 8.000.000đ là đúng. Về tiền lãi ông Trần Xuân B và bà Nguyễn Thị B L không xác định được cụ thể đã trả lãi được bao nhiêu và trả đến thời điểm nào và cũng không cung cấp được giấy tờ, tài liệu gì về các lần nộp tiền lãi. Vợ chồng ông B, bà L cũng đồng ý trả hết các khoản lãi suất cho Ngân hàng nhưng không xác định được số tiền lãi suất còn thiếu là bao nhiêu. Phía Ngân hàng cho rằng ông B, bà L đã trả cho Ngân hàng số tiền lãi suất là 758.267đ, hiện còn nợ lại tiền lãi suất đến ngày 26-6-2019 là 5.701.678đ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Vợ chồng ông B, bà L không phản đối số tiền lãi suất còn thiếu mà Ngân hàng yêu cầu vợ chồng ông B, bà L phải trả cho Ngân hàng. Như vậy số tiền lãi suất Ngân hàng yêu cầu vợ chồng ông B, bà L phải trả đến ngày hôm nay là 5.701.678đ là có cơ sở. Nay vợ chồng ông Trần Xuân B, bà Nguyễn Thị B L đồng ý trả tiền gốc và lãi suất cho Ngân hàng nhưng yêu cầu được trả trong vòng 1 năm từ tháng 02 năm 2019 đến tháng 02 năm 2020. Về phía Ngân hàng không đồng ý với thời hạn trả nợ mà ông B, bà L đề ra và yêu cầu Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật. Như vậy việc thỏa thuận thời hạn trả nợ giữa Ngân hàng và vợ chồng ông B, bà L là không thống nhất nên Hội đồng xét xử không chấp nhận thời hạn trả nợ như yêu cầu của ông B, bà L.

Từ những phân tích nêu trên xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là chính đáng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, cần buộc ông Trần Xuân B và bà Nguyễn Thị B L phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn tính đến ngày xét xử theo yêu cầu của ngân hàng Chính sách Xã hội. Đồng thời cần buộc ông B và bà L tiếp tục trả khoản lãi suất phát sinh của số tiền còn phải thi hành án từ ngày 27-6-2019 trở đi cho đến khi thi hành án xong theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của ngân hàng Chính sách Xã hội được chấp nhận toàn bộ nên căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí và lệ phí Tòa án, của Ủy ban

thường vụ Quốc hội, ông Trần Xuân B và bà Nguyễn Thị B L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 26, 35, 39, 92, 147, 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 298, Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Áp dụng Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách Xã hội. Buộc ông Trần Xuân B và bà Nguyễn Thị B L phải trả cho ngân hàng Chính sách Xã hội thông qua Phòng giao dịch ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu số tiền nợ gốc là 8.000.000đ (Tám triệu đồng); lãi trong hạn từ ngày 05-11-2007 đến ngày 05-3-2013 là 2.466.345đ (hai triệu bốn trăm sáu mươi sáu ngàn ba trăm bốn mươi lăm đồng), lãi quá hạn từ ngày 06-3-2013 đến ngày 26-6-2019 là 3.235.333đ (ba triệu hai trăm ba mươi lăm ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

Tổng số nợ gốc và lãi suất ông Trần Xuân B và bà Nguyễn Thị B L phải trả cho ngân hàng Chính sách Xã hội đến ngày 26-6-2019 là 13.701.678đ (mười ba triệu bảy trăm lẻ một ngàn sáu trăm bảy mươi tám đồng).

Kể từ ngày 27-6-2019 ông Trần Xuân B và bà Nguyễn Thị B L còn phải tiếp tục trả khoản lãi suất phát sinh của số tiền còn phải thi hành án cho đến khi thi hành án xong theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

2. Về án phí: Ông Trần Xuân B và bà Nguyễn Thị B L phải chịu 685.000đ (sáu trăm tám mươi lăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Chính sách Xã hội không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Ngân hàng chính sách xã hội được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày xét xử (26-6-2019); ông Trần Xuân B và bà Nguyễn Thị B L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo qui định của pháp luật, để xin Tòa án cấp trên xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TA Tỉnh;
- VKSND huyện Châu Đức;
- THADS huyện Châu Đức;
- UBND xã Suối Nghệ;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ THU HIỀN